



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2016**

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT
KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU
DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH**



an independent member of
**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2016	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016	13 - 54
8. Phụ lục	55 - 57



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301464904 (số cũ là 4103005032), đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 7 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 14 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-8)38.686.378
- Fax : (84-8)38.652.322

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở);
- Giáo dục mầm non;
- Thu gom và vận chuyển rác thải (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn vật tư, nguyên liệu ngành in, bao bì, nhựa, giấy, kim loại (trừ phế liệu, phế thải) và thiết bị máy móc phục vụ cho ngành sản xuất bao bì và ngành in;
- Bán buôn máy móc, thiết bị ngành in;
- Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ liệu, phụ tùng vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phương tiện giao thông vận tải. Bán buôn lương thực, thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu. Dịch vụ nhà hàng, khách sạn, kiều hối. Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế. Đầu tư và hợp tác sản xuất hàng xuất khẩu. Đầu tư và hợp tác đầu tư xây dựng: nhà, xưởng sản xuất các mặt hàng để xuất khẩu. Thi công xây dựng: các công trình dân dụng và công nghiệp, các công trình giao thông, cấp thoát nước và cây xanh (gồm mới và duy tu), các công trình thủy lợi, hệ thống chiếu sáng. Kinh doanh kho hàng, xưởng sản xuất và giao nhận hàng. Dịch vụ: thể dục, thể thao (sân tennis, hồ bơi và các loại hình thể dục, thể thao giải trí khác). Sản xuất, gia công khung kèo thép, các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất, xây dựng và tiêu dùng. Lắp dựng khung kèo thép. San lấp mặt bằng. Vận chuyển hàng hóa, đại lý vận tải. Mua bán vật tư phục vụ nuôi trồng thủy sản. Kinh doanh công viên cây xanh (trồng cây, chăm sóc cây xanh). Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp. Duy tu nạo vét cống rãnh. Sản xuất và mua bán nước tinh khiết. Sản xuất suất ăn công nghiệp. Dịch vụ rửa xe. Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng. Sản xuất, chế biến và mua bán các loại thực phẩm, thức ăn gia súc, thủy hải sản. Đào tạo dạy nghề. Sửa chữa bảo trì ô tô và xe cơ giới các loại. Tư vấn cung cấp giải pháp công nghệ và thi công các hệ thống xử lý nước thải, nước tinh khiết, rác, khí thải và các nhân tố gây ô nhiễm môi trường. Trồng rừng. Khai thác cát đen. Khai thác đất sét. Sản xuất gạch gó và nguyên vật liệu xây dựng. Lập tổng dự toán và dự toán công trình. Tư vấn đấu thầu. Lập dự án đầu tư. Thẩm tra thiết kế và dự toán. Khai thác và xử lý nước ngầm. Đầu tư xây dựng và cho thuê văn phòng. Dịch vụ quảng cáo thương mại. Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và khai thuê hải quan. Đầu tư xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại. Kinh doanh khai thác và quản lý chợ. Cho thuê cao ốc văn phòng. Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp. Dịch vụ tư vấn bất động sản. Dịch vụ môi giới, quản lý, định giá, đấu giá sản giao dịch bất động sản. Quảng cáo. Kinh doanh bất động sản. Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông.

146
NG
PH
T KIN
HẬP
VÀ
BÌ
TP.H

M.S.D.N:030
C
TRÁCH
KIỂM T
A
TÂN BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Minh Tâm	Chủ tịch	Ngày 23 tháng 01 năm 2015
Ông Trần Quang Trường	Thành viên	Ngày 23 tháng 01 năm 2015
Ông Huỳnh An Trung	Thành viên	Ngày 23 tháng 01 năm 2015
Bà Vũ Thị Thanh Hồng	Thành viên	Ngày 23 tháng 01 năm 2015
Ông Lê Trọng Lập	Thành viên	Ngày 23 tháng 01 năm 2015

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Lê Thị Thanh Phương	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Hảo	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 01 năm 2016
Bà Trần Thị Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2015
Ông Võ Chí Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 01 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Quang Trường	Tổng Giám đốc	Ngày 25 tháng 3 năm 2014
Ông La Ngọc Thông	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 25 tháng 3 năm 2014
Ông Nguyễn Đình Minh Triết	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 21 tháng 12 năm 2015

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Quang Trường – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25 tháng 3 năm 2014).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Trần Quang Trường
Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày 13 tháng 5 năm 2016





**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Hà Nội : 40 Giang Võ St., Dong Da Dist., Hà Nội City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cần Thơ City
www.a-c.com.vn

Số: 0658/2016/BCTC-KTTV

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 29 tháng 4 năm 2016, từ trang 06 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Minh Trí
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 5 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		665.135.710.445	656.270.344.622
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	105.403.514.435	79.510.609.599
1. Tiền	111		74.403.514.435	60.860.609.599
2. Các khoản tương đương tiền	112		31.000.000.000	18.650.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		212.965.307.959	271.871.981.041
1. Chứng khoán kinh doanh	121		75.501	75.501
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(29.412)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	212.965.261.870	271.871.905.540
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.006.406.429	42.367.367.325
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	12.577.335.515	14.341.101.889
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.611.862.178	13.621.425.822
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	8.352.818.702	15.075.943.117
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(535.609.966)	(671.103.503)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		318.334.845.088	262.515.136.657
1. Hàng tồn kho	141	V.7	318.334.845.088	262.515.136.657
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		425.636.534	5.250.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	425.636.534	5.250.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU		Mã	Thuyết	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN					
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	211	V.3b	11.572.992.950	41.594.662.840
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	211	V.3b	13.791.540.081	43.710.264.971
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216			-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.6		(2.218.547.131)	(2.115.602.131)
II. Tài sản cố định	220	221	V.9	31.511.591.836	26.558.143.820
1. Tài sản cố định hữu hình	221	221	V.9	31.472.591.833	26.510.477.153
Nguyên giá	222			163.003.589.290	156.166.008.090
Gia trị hao mòn lũy kế	223			(131.530.997.457)	(129.655.530.937)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			-	-
Nguyên giá	225			-	-
Gia trị hao mòn lũy kế	226			-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10		39.000.003	47.666.667
Nguyên giá	228			193.491.868.732	193.491.868.732
Gia trị hao mòn lũy kế	229			(193.452.868.729)	(193.444.202.065)
III. Bất động sản đầu tư	230	231	V.11	204.445.043.472	215.870.648.944
Nguyên giá	231			337.466.993.176	348.148.606.195
Gia trị hao mòn lũy kế	232			(133.021.949.704)	(132.277.957.251)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	241		3.373.917.675	3.728.980.034
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12		3.373.917.675	3.728.980.034
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	251	V.2b	156.455.107.586	97.614.584.503
1. Đầu tư vào công ty con	251			-	800.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b		120.204.834.232	69.130.930.232
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b		20.351.091.614	31.651.341.614
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b		(4.100.818.260)	(3.967.687.343)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a		20.000.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	261	V.8b	139.158.255.356	138.105.963.509
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			139.158.255.356	138.105.963.509
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268			-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		1.211.652.619.320	1.179.743.328.272

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		648.335.640.279	622.797.433.606
I. Nợ ngắn hạn	310		208.501.619.937	215.189.872.657
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	5.287.638.065	24.655.485.989
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	180.281.054	29.684.336
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	6.686.488.411	6.147.317.334
4. Phải trả người lao động	314	V.16	3.804.049.556	7.210.818.398
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17a	6.205.000	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18a,c	87.406.086.838	66.610.184.390
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a,c	71.013.336.387	81.241.053.081
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a,c	23.618.946.509	25.590.330.300
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	10.498.588.117	3.704.998.829
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		439.834.020.342	407.607.560.949
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.17b	81.894.396.218	81.894.396.218
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18b,c	248.125.236.690	191.555.200.970
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b,c	27.244.612.780	21.590.553.164
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b,c	82.569.774.654	112.567.410.597
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		563.316.979.041	556.945.894.666
I. Vốn chủ sở hữu	410		563.316.979.041	556.945.894.666
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	240.000.000.000	240.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		240.000.000.000	240.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	92.948.707.864	92.948.707.864
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	137.827.752.056	131.084.377.116
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	92.540.519.121	92.912.809.686
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		50.273.556.458	92.912.809.686
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		42.266.962.663	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.211.652.619.320	1.179.743.328.272

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2016


Nguyễn Thị Ngọc Thơm
 Người lập biểu


Hà Thị Thu Thảo
 Kế toán trưởng


Trần Quang Trường
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	83.562.178.919	81.132.573.309
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		83.562.178.919	81.132.573.309
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	19.236.336.822	38.725.188.810
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		64.325.842.097	42.407.384.499
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14.210.939.374	10.516.151.431
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.055.699.903	210.042.436
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.915.156.091	1.663.410.500
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	16.789.649.522	14.666.698.421
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7.844.532.848	9.476.831.667
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		51.846.899.198	28.569.963.406
11. Thu nhập khác	31	VI.7	750.073.439	991.405.958
12. Chi phí khác	32		37.689	1.453.361
13. Lợi nhuận khác	40		750.035.750	989.952.597
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		52.596.934.948	29.559.916.003
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	10.329.972.285	6.105.832.572
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		42.266.962.663	23.454.083.431
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.550	808
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1.550	808


Nguyễn Thị Ngọc Thơm
Người lập biểu


Hà Thị Thu Thảo
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2016


Trần Quang Trường
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		218.927.418.638	173.206.185.650
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(80.985.710.310)	(57.714.498.182)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(14.414.408.227)	(16.742.034.484)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(5.504.997.896)	(4.408.038.127)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.15	(13.654.039.995)	(1.741.083.106)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		65.338.069.058	22.159.593.094
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(25.463.817.874)	(84.563.011.676)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		144.242.513.394	30.197.113.169
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.11	(24.535.514.261)	(51.448.733.545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(189.427.000.000)	(137.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		171.579.473.203	98.999.300.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(32.665.904.000)	(8.710.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		470.250.000	12.985.150.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.225.835.188	7.918.615.100
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(62.352.859.870)	(77.955.668.445)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	23.284.649.792	64.681.749.510
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(55.253.669.526)	(55.358.386.091)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(24.025.936.000)	(23.659.374.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(55.994.955.734)	(14.336.011.231)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		25.894.697.790	(62.094.566.507)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	79.510.609.599	245.012.520.051
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.792.954)	(35.130.733)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	105.403.514.435	182.882.822.811

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2016



Nguyễn Thị Ngọc Thơm
Người lập biểu



Hà Thị Thu Thảo
Kế toán trưởng



Trần Quang Trường
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

- 1. **Hình thức sở hữu vốn**
Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.
- 2. **Lĩnh vực kinh doanh**
Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.
- 3. **Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, mua bán hàng hoá.
- 4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
- 5. **Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Trong kỳ, Công ty đã bán toàn bộ cổ phần của Công ty cổ phần du lịch Tân Thắng. Do vậy, tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty cổ phần du lịch Tân Thắng không còn là công ty con của Công ty và Công ty không phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.
- 6. **Cấu trúc Công ty**
Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình	Lô 6-1 cụm 6 đường M1, Khu Công nghiệp Tân Bình 2, phường Bình Hưng Hoà, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình công ích	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần kính Tân Bình	Lô 6-1 cụm 6 đường M1, Khu Công nghiệp Tân Bình 2, phường Bình Hưng Hoà, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất kính các loại	25,48%	25,48%	25,48%
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát	Lầu 4, toà nhà Tani – Office, số 475D đường Lê Trọng Tấn, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Bán buôn vật tư, nguyên vật liệu ngành in, bao bì, nhựa, giấy, kim loại và thiết bị, máy móc, phục vụ cho ngành sản xuất bao bì ngành in	35,00%	35,00%	35,00%
Công ty cổ phần sản xuất -dịch vụ Tân Bình	Lầu 3, toà nhà Tani – Office, số 475D đường Lê Trọng Tấn, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản, kho bãi, nhà ở, xưởng sản xuất, cho thuê kho hàng, xưởng sản xuất, kinh doanh khu chung cư	35,00%	35,00%	35,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần giấy G.P	Lô J1 và J4, đường N2, D1, N1 Khu công nghiệp Nam Tân Uyên, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa.	43,00%	43,00%	43,00%
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư giá trị	Lầu 2, toà nhà Tani – Office, số 475D đường Lê Trọng Tấn, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Bán buôn nguyên liệu nhựa, vật tư, nguyên vật liệu ngành in, bao bì, nhựa, giấy, kim loại và thiết bị, máy móc phục vụ ngành sản xuất bao bì ngành in	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần Kim Cương	Lô I-12, Đường CN13, KCN Tân Bình, P. Sơn Kỳ, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất, gia công các loại bao bì nhựa, màng phức hợp, bao bì giấy và bao bì kim loại	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty cổ phần dịch vụ giáo dục Trí Đức	1333A Thoại Ngọc Hầu, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Giáo dục trung học sơ sở, trung học phổ thông, mầm non	37.50%	37.50%	37.50%
Công ty cổ phần bao bì Việt Phát	Đường Tam Tân, Ấp Bến Đò 2, Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất giấy, bao bì	25.00%	25.00%	25.00%

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo số

Tên đơn vị	Địa chỉ
Ban quản lý Khu công nghiệp Tân Bình	475D Lê Trọng Tấn, phường Sơn Kỳ, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 162 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 187 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm sau.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các Thông tư khác hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được ghi nhận theo mệnh giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa văn phòng

Các chi phí sửa chữa văn phòng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí mở bán căn hộ chung cư Sơn Kỳ 1

Chi phí mở bán căn hộ chung cư Sơn Kỳ 1 phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí khi phát sinh doanh thu bán căn hộ.

Chi phí đền bù và san lấp mặt bằng

Chi phí đền bù và san lấp mặt bằng cho Khu Công nghiệp mở rộng được phân bổ trong thời gian 48 năm kể từ năm 2010.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 31
Máy móc và thiết bị	06 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Cây lâu năm	07
Tài sản cố định khác	04 – 07

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	46 – 50
Nhà trên đất	08 – 30

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất, san lấp mặt bằng và kinh phí đền bù

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

<u>Loại chi phí</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	50
San lấp mặt bằng	05 – 49
Kinh phí đền bù	05 – 48

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê đất

Tại khu công nghiệp hiện hữu

Từ năm 2003 trở về trước, doanh thu được ghi nhận một lần theo phương pháp “chuyển giao lô đất”: doanh thu được ghi nhận khi đất được chuyển giao cho bên đi thuê trên thực địa và thanh toán tiền một lần. Giá vốn tương ứng là các chi phí liên quan đến việc đền bù giải tỏa của các hộ dân.

Từ năm 2003 đến trước năm 2009, doanh thu ghi nhận theo kế hoạch. Giá vốn tương ứng bao gồm các chi phí đền bù và hạ tầng kỹ thuật trên đất thuê được khấu hao theo phân kỳ thu trên hợp đồng thuê đất.

Từ năm 2009 trở đi, doanh thu được ghi nhận dựa vào số thực thu theo phân kỳ thu trên hợp đồng thuê đất. Giá vốn tương ứng bao gồm các chi phí đền bù và hạ tầng kỹ thuật trên đất thuê được khấu hao theo phân kỳ thu trên hợp đồng thuê đất.

Năm 2014, Công ty áp dụng nguyên tắc ghi nhận doanh thu một lần theo phương pháp “chuyển giao lô đất” và đã điều chỉnh lại toàn bộ doanh thu của các Hợp đồng phát sinh từ năm 2010 trở về trước theo nguyên tắc này. Tuy nhiên Công ty không áp dụng điều chỉnh hồi tố số liệu vào các niên độ có liên quan mà điều chỉnh hết vào Báo cáo tài chính năm 2014.

Năm nay phát sinh thêm một số hợp đồng do gia hạn thời gian thuê đất, Công ty đã ghi nhận doanh thu một lần theo phương pháp “chuyển giao lô đất”, tuy nhiên các hợp đồng này lại không có giá vốn do giá vốn đã được kết chuyển hết vào kết quả kinh doanh năm 2014.

Tại khu công nghiệp mở rộng

Hoạt động cho thuê đất tại khu công nghiệp mở rộng phát sinh từ năm 2010. Doanh thu được ghi nhận dựa trên cơ sở phân bổ giá trị thuê đất trên hợp đồng cho thuê theo số phân kỳ thu. Giá vốn tương ứng bao gồm các chi phí đền bù và hạ tầng kỹ thuật trên đất thuê được khấu hao theo phân kỳ thu trên hợp đồng thuê đất.

Đến năm 2012, chi phí đền bù được khấu hao theo thời gian thuê đất trên hợp đồng thuê.

Năm 2014, Công ty áp dụng nguyên tắc ghi nhận doanh thu hàng năm dựa trên thời gian thuê đất trên hợp đồng thuê và đã điều chỉnh lại doanh thu và giá vốn của các Hợp đồng phát sinh từ năm 2010 theo nguyên tắc này. Tuy nhiên Công ty không áp dụng điều chỉnh hồi tố số liệu vào các niên độ có liên quan mà điều chỉnh hết vào Báo cáo tài chính năm 2014.

Đối với đất xây dựng kho xưởng cho thuê, doanh thu ghi nhận phù hợp với hợp đồng cho thuê. Giá vốn bao gồm: chi phí đền bù và san lấp mặt bằng được phân bổ theo thời gian thuê đất (48 năm) và các tài sản trên đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao 05-07 năm.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động khác

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.8

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Tại khu công nghiệp hiện hữu

Từ năm 2003 trở về trước, doanh thu được ghi nhận một lần theo phương pháp “chuyển giao lô đất”: doanh thu được ghi nhận khi đất được chuyển giao cho bên mua và thanh toán tiền một lần. Giá vốn tương ứng là các chi phí liên quan đến việc đền bù thực tế phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Từ năm 2003 trở đi, đối với các hợp đồng bán nền đất phát sinh trước năm 2010, doanh thu bán nền đất được ghi nhận sau khi chuyển giao quyền sở hữu trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho khách hàng. Giá vốn tương ứng được phân bổ theo doanh thu kế hoạch với tỷ lệ giữa số dư chi phí sản xuất dở dang so với số dư doanh thu nhận trước và tiền ký quỹ mua đất tại đầu năm tài chính.

Đối với các hợp đồng bán nền đất phát sinh từ năm 2010 trở đi, doanh thu nền đất chưa được ghi nhận mặc dù đã có biên bản bàn giao đất cho khách hàng. Toàn bộ vẫn đang theo dõi trên doanh thu nhận trước.

Năm 2014, Công ty áp dụng nguyên tắc ghi nhận doanh thu một lần theo phương pháp “chuyển giao lô đất” và đã điều chỉnh lại toàn bộ doanh thu của các Hợp đồng phát sinh từ năm 2010 trở về trước theo nguyên tắc này. Tuy nhiên Công ty không áp dụng điều chỉnh hồi tố số liệu vào các niên độ có liên quan mà điều chỉnh hết vào Báo cáo tài chính năm 2014.

Tại khu công nghiệp mở rộng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	4.208.073.153	4.722.800.705
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	70.195.441.282	56.137.808.894
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱⁱ⁾	31.000.000.000	18.650.000.000
Cộng	105.403.514.435	79.510.609.599

(i) Trong đó, khoản tiền gửi ngân hàng để chờ đền bù tái định cư là 50.160.856.784 VND.

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	212.965.261.870	212.965.261.870	271.871.905.540	271.871.905.540
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	212.965.261.870	212.965.261.870	271.871.905.540	271.871.905.540
Dài hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Trái phiếu	20.000.000.000	20.000.000.000	-	-
Cộng	232.965.261.870	232.965.261.870	271.871.905.540	271.871.905.540

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 12 để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng này. Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 là 7.000.000.000 VND (số đầu năm là 6.862.393.212 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	-	-	800.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư du lịch Tân Thắng ⁽ⁱ⁾	-	-	800.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	120.204.834.232	(4.100.818.260)	69.130.930.232	(3.846.091.528)
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình ⁽ⁱⁱ⁾	8.520.930.232	-	8.520.930.232	-
Công ty cổ phần kính Tân Bình ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2.900.000.000	(2.834.497.460)	2.900.000.000	(2.834.497.460)
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát ^(iv)	14.820.000.000	-	14.820.000.000	-
Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ Tân Bình ^(v)	29.220.000.000	-	18.420.000.000	-
Công ty cổ phần giấy G.P ^(vi)	15.050.000.000	(1.266.320.800)	12.470.000.000	(1.011.594.068)
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Giá Trị ^(vii)	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-
Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Kim Cương ^(viii)	8.700.000.000	-	-	-
Công ty cổ phần dịch vụ giáo dục Trí Đức ^(ix)	9.000.000.000	-	-	-
Công ty cổ phần bao bì Việt Phát ^(x)	19.993.904.000	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	20.351.091.614	-	31.651.341.614	(121.595.815)
Công ty cổ phần chứng khoán Saigonbank Berjaya	4.669.841.614	-	4.669.841.614	-
Công ty cổ phần lương thực Nam Trung Bộ	8.020.000.000	-	8.020.000.000	-
Công ty cổ phần bao bì nhựa Kiến Đức	5.760.000.000	-	5.760.000.000	(121.595.815)
Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Kim Cương	-	-	7.830.000.000	-
Công ty cổ phần dịch vụ giáo dục Trí Đức	-	-	3.000.000.000	-
Công ty TNHH ITL Keppel Tanimex Logistics	1.901.250.000	-	2.371.500.000	-
Cộng	140.555.925.846	(4.100.818.260)	101.582.271.846	(3.967.687.343)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 3400910908 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 4 năm 2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư du lịch Tân Thắng 800.000.000 VND tương đương 80% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty đã bán toàn bộ cổ phiếu của Công ty cổ phần du lịch Tân Thắng.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0304592598 thay đổi lần thứ 09, ngày 16 tháng 8 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần cơ khí Tân Bình 5.700.000.000 VND tương đương 47,50% vốn điều lệ. Năm 2014, Công ty cổ phần cơ khí Tân Bình có tăng vốn điều lệ từ 12.900.000.000 VND lên 20.000.000.000 VND, vì vậy Công ty đã góp thêm 3.063.750.000 VND. Năm 2015, Công ty đã thoái vốn với số lượng giảm 119.125 cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình 8.520.930.232 VND tương đương 40% vốn điều lệ.
- (iii) Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần kính Tân Bình 2.900.000.000 VND tương đương 25,48% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty cổ phần kính Tân Bình đang tiến hành thủ tục giải thể.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0311640972 thay đổi lần thứ 8 ngày 22 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát 14.700.000.000 VND tương đương 44,55% vốn điều lệ. Trong năm trước, Công ty đã thoái vốn với số lượng giảm 70.000 cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần Minh Phát 14.820.000.000 VND tương đương 35% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304563607 thay đổi lần thứ 12 ngày 20 tháng 6 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ Tân Bình Tanimex (Taniservice) 22.108.298.000 VND, tương đương 36,01% vốn điều lệ. Trong 6 tháng đầu năm trước, Công ty đã thoái vốn với số lượng giảm 300.350 cổ phiếu. Trong 6 tháng đầu năm nay, Công ty đã đầu tư thêm vào Công ty cổ phần sản xuất - dịch vụ Tân Bình với số tiền là 10.800.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần sản xuất - dịch vụ Tân Bình 29.220.000.000 VND tương đương 35% vốn điều lệ.
- (vi) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702245743 ngày 03 tháng 01 năm 2014 và thay đổi lần thứ 3 ngày 06 tháng 4 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần giấy G.P 43.000.000.000 VND tương đương 43% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư với số tiền là 15.050.000.000 VND theo kế hoạch góp vốn đợt 01, đợt 02 và đợt 03. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 27.950.000.000 VND.
- (vii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312910290 ngày 29 tháng 8 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn đầu tư giá trị 4.500.000.000 VND tương đương 30% vốn điều lệ của Công ty cổ phần đầu tư giá trị 15.000.000.000 VND. Trong năm trước, Công ty cổ phần tư vấn đầu tư giá trị có tăng vốn điều lệ từ 15.000.000.000 VND lên 30.000.000.000 VND, Công ty đã góp thêm 7.500.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần tư vấn đầu tư giá trị 12.000.000.000 VND tương đương 40% vốn điều lệ.
- (viii) Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Kim Cương 8.700.000.000 VND tương đương 20% vốn điều lệ.
- (ix) Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần dịch vụ giáo dục Trí Đức 9.000.000.000 VND tương đương 37,5% vốn điều lệ.
- (x) Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần bao bì Việt Phát 19.993.904.000 VND tương đương 25% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.967.687.343	4.442.979.126
Trích lập dự phòng bổ sung	133.130.917	-
Hoàn nhập dự phòng	-	(1.605.278.226)
Số cuối kỳ	4.100.818.260	2.837.700.900

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

Năm nay

Năm trước

Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình Tanimex (Tanicons)

Mua tài sản cố định và xây dựng các công trình	-	51.447.108.414
Cho thuê mặt bằng	179.360.460	176.543.280
Phải thu tiền điện	93.859.330	94.761.016
Bán hàng hóa	-	302.198.364
Cổ tức nhận được	400.000.000	551.475.000
Tạm ứng thi công công trình Chung cư Sơn Kỳ 1	-	48.677.340.510
Thu phí duy tu cơ sở hạ tầng	98.706.678	23.383.800
Chi phí sửa chữa công trình	338.142.117	210.263.725
Cho thuê xe cẩu điện	23.383.800	

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát

Cho thuê kho xưởng	1.155.225.95	102.679.499
Phí ủy thác và chênh lệch giá sản	1.638.887.966	1.686.981.729
Phải trả tiền điện	142.993.336	-
Phải thu tiền điện	18.178.560	20.353.944
Cổ tức nhận được	560.000.000	661.500.000
Thuê kho xưởng	194.000.000	-
Quản lý tòa nhà	642.000.000	-
Lãi trả chậm	508.139.527	-

Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ Tân Bình (Taniservice)

Mua nhiên liệu, dịch vụ cây xanh, ăn uống và các dịch vụ khác	65.110.994	796.172.465
Cho thuê văn phòng	301.671.864	387.288.404
Cho thuê trạm cấp nước	36.816.310	36.000.000
Tiền điện	37.262.260	89.507.208
Xử lý nước thải	25.189.398	34.331.170
Cho thuê kho xưởng	-	18.181.818
Cổ tức nhận được	1.125.000.000	1.260.245.000
Thu phí duy tu cơ sở hạ tầng	10.865.064	-
Thu phí thu gom vận chuyển rác	23.991.048	-
Phí dịch vụ phải trả	37.908.370	-
Cho thuê hội quán	69.111.900	-

Công ty cổ phần giấy G.P

Cho thuê văn phòng	12.000.000	-
--------------------	------------	---

Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Giá Trị

Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	21.000.000.000
Phí tư vấn, giám sát thi công kho xưởng	1.454.770.183	-
Phí ủy thác chuyển nhượng	9.283.284.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Kim Cương</i>		
Lãi trả chậm	594.533.181	-
<i>Công ty cổ phần dịch vụ giáo dục Trí Đức</i>		
Doanh thu cho thuê trường mầm non	2.760.000.000	-
Doanh thu cho thuê nhà lưu trú	10.857.144	-
Thanh lý Công cụ dụng cụ	29.545.455	-
Phải thu tiền thuê nhà	110.454.546	-
Chuyển nhượng bất động sản	20.909.090.909	-
3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng		
3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.399.938.000</i>	<i>2.005.563.331</i>
Công ty cổ phần dịch vụ giáo dục Trí Đức	1.399.938.000	-
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát	-	2.005.563.331
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>11.177.397.515</i>	<i>12.335.538.558</i>
Công ty cổ phần hàng tiêu dùng Masan	-	1.566.690.016
Các khách hàng khác	11.177.397.515	10.768.848.542
Cộng	12.577.335.515	14.341.101.889
3b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>10.692.032.982</i>	<i>40.314.757.872</i>
Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Kim Cương	-	21.615.870.000
Công ty sản xuất dịch vụ Tân Bình Tanimex	2.994.303.270	4.491.454.695
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát	2.447.734.712	14.207.433.177
Công ty cổ phần dịch vụ giáo dục Trí Đức	5.249.995.000	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>3.099.507.099</i>	<i>3.395.507.099</i>
Công ty TNHH sản xuất thương mại kinh doanh nhà Êm Đềm	2.115.602.131	2.115.602.131
Các khách hàng khác	983.904.968	1.279.904.968
Cộng	13.791.540.081	43.710.264.971
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH M.E.A	1.283.672.000	1.476.614.820
Công ty TNHH xây dựng thương mại Trần Duy Phát	2.093.195.019	3.050.541.725
Công ty TNHH sản xuất sản phẩm điện thương mại tự động	1.603.200.000	2.404.800.000
Công ty cổ phần đầu tư sản xuất thương mại Kim Hải	-	2.703.971.600
Công ty TNHH thương mại xây dựng điện A.N.D	170.775.758	1.507.570.696
Các nhà cung cấp khác	2.461.019.401	2.477.926.981
Cộng	7.611.862.178	13.621.425.822

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	279.652.907	-	7.740.119.025	-
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư				
Giá Trị - Phải thu tiền ủy thác				
mua cổ phần	-	-	7.578.000.000	-
Công ty cổ phần sản xuất thương				
mại dịch vụ Kim Cương - Phải				
thu tiền lãi trả chậm	236.534.857	-	162.119.025	-
Cty cổ phần dịch vụ giáo dục Trí				
Đức - Phải thu tiền lãi trả chậm	43.118.050	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	8.073.165.795	-	7.335.824.092	-
Tạm ứng	775.327.000	-	99.343.798	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	1.898.217	-	1.881.623	-
Lãi tiền gửi tiết kiệm dự thu	3.038.694.546	-	3.577.072.448	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm				
nộp của hoạt động kinh doanh				
bất động sản	3.604.196.229	-	2.861.700.780	-
Các khoản phải thu ngắn hạn				
khác	653.049.803	(200.000.000)	795.825.443	(200.000.000)
Cộng	8.352.818.702	(200.000.000)	15.075.943.117	(200.000.000)

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH sản					
xuất thương mại					
kinh doanh nhà Êm					
Đềm		2.115.602.131	-	2.115.602.131	-
Phải thu tiền bán hàng	Trên 03 năm	2.115.602.131	-	Trên 03 năm	2.115.602.131
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		1.082.972.292	444.417.326	1.150.520.829	479.417.326
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Từ 06 tháng đến 01 năm	553.515.549	387.460.884	Từ 06 tháng đến 01 năm	561.572.196
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Từ 01 năm đến 02 năm	113.141.687	56.956.442	Từ 01 năm đến 02 năm	172.633.577
Phải thu tiền cung cấp dịch vụ	Trên 03 năm	113.370.056	-	Trên 03 năm	113.370.056
Phải thu tiền mua vật tư	Trên 03 năm	200.000.000	-	Trên 03 năm	200.000.000
Phải thu tiền nền đất	Trên 03 năm	102.945.000	-	Trên 03 năm	102.945.000
Cộng		3.198.574.423	444.417.326	3.266.122.960	479.417.326

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn	Nợ phải thu dài hạn	Cộng
Số đầu năm	568.158.503	2.218.547.131	2.786.705.634
Hoàn nhập dự phòng	(32.548.537)	-	(32.548.537)
Số cuối kỳ	535.609.966	2.218.547.131	2.754.157.097

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	311.224.542.297	-	255.404.833.866	-
Hàng hóa	7.110.302.791	-	7.110.302.791	-
Cộng	318.334.845.088	-	262.515.136.657	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí sửa chữa văn phòng còn phải phân bổ.

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí mở bán căn hộ chung cư Sơn Kỳ 1	8.604.947.464	6.613.807.651
Chi phí hạ tầng khu mở rộng	130.127.807.892	131.171.655.861
Công cụ, dụng cụ	-	8.499.997
Các chi phí trả trước dài hạn khác	425.500.000	312.000.000
Cộng	139.158.255.356	138.105.963.509

9. Tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm trang 54.

10. Tài sản cố định vô hình

	San lắp mặt bằng	Kinh phí đền bù	Chương trình phần mềm	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	56.707.278.556	136.645.140.176	139.450.000	193.491.868.732
Số cuối kỳ	56.707.278.556	136.645.140.176	139.450.000	193.491.868.732
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	56.707.278.556	136.645.140.176	87.450.000	193.439.868.732
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	56.707.278.556	136.645.140.176	91.783.333	193.444.202.065
Khấu hao trong kỳ	-	-	8.666.664	8.666.664
Số cuối kỳ	56.707.278.556	136.645.140.176	100.449.997	193.452.868.729

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	San lấp mặt bằng	Kinh phí đền bù	Chương trình phần mềm	Cộng
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	-	47.666.667	47.666.667
Số cuối kỳ	-	-	39.000.003	39.000.003
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

11. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	16.265.500.000	331.883.106.195	348.148.606.195
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	3.478.071.012	3.478.071.012
Thanh lý, nhượng bán	-	(14.159.684.031)	(14.159.684.031)
Số cuối kỳ	16.265.500.000	321.201.493.176	337.466.993.176
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-	14.242.665.548	14.242.665.548
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.870.532.500	130.407.424.751	132.277.957.251
Khấu hao trong kỳ	162.655.002	14.582.234.454	14.744.889.456
Thanh lý, nhượng bán	-	(14.000.897.003)	(14.000.897.003)
Số cuối kỳ	2.033.187.502	130.988.762.202	133.021.949.704
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	14.394.967.500	201.475.681.444	215.870.648.944
Số cuối kỳ	14.232.312.498	190.212.730.974	204.445.043.472

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Tại Ban quản lý Khu công nghiệp Tân Bình			
Cụm kho xưởng 01 và 03 nhóm 01 từ kho 01 đến kho 08	35.934.329.141	35.103.594.289	830.734.852
Nhà lưu trú công nhân	2.744.557.888	1.875.993.519	868.564.369
Trường mầm non - Chung cư Tây Thạnh	6.072.835.480	6.072.835.480	-
Kho số 09 nhóm 01 cụm 02	4.252.244.340	3.929.235.570	323.008.770
Hệ thống PCCC kho số 9 – cụm 02	250.000.000	6.944.444	243.055.556

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Kho số 18 cụm 06 Khu công nghiệp mở rộng	18.965.176.382	13.749.752.891	5.215.423.491
Kho số 06, 07, 08 cụm 06 nhóm 02	1.646.689.657	1.646.689.657	-
Kho số 08, 09, 10, 11 cụm 02			
Khu công nghiệp mở rộng	38.133.285.009	22.183.672.710	15.949.612.299
Hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động	1.669.120.527	723.285.558	945.834.969
Trường THPT Sơn Kỳ	37.043.720.637	10.005.728.810	27.037.991.827
Cụm sân tennis nhóm 1	2.152.619.905	2.152.619.905	-
02 sân bóng đá mini và công viên cây xanh cụm 03 nhóm 02	1.681.506.303	1.401.617.424	279.888.879
Trạm cấp nước 10 m ³ /giờ	1.100.748.212	1.100.748.212	-
Trạm cấp nước số 02	1.008.803.169	1.008.803.169	-
Trạm cấp nước số 03	1.593.370.453	1.593.370.453	-
Giá trị xây lắp văn phòng Tanioffice – Lê Trọng Tấn	23.987.847.562	2.513.184.029	21.474.663.533
Hệ thống điều hoà văn phòng Tanioffice – Lê Trọng Tấn	4.882.393.384	1.983.472.309	2.898.921.075
Hệ thống phòng cháy chữa cháy và chống sét văn phòng	915.917.364	596.238.557	319.678.807
Trạm biến thế và máy phát điện văn phòng Tanioffice – Lê Trọng Tấn	2.541.916.363	1.089.392.726	1.452.523.637
Hệ thống thang máy văn phòng Tanioffice – Lê Trọng Tấn	866.818.182	347.853.535	518.964.647
Nội thất văn phòng Tanioffice – Lê Trọng Tấn	1.110.014.249	661.101.281	448.912.968
Hệ thống âm thanh, camera văn phòng Tanioffice – Lê Trọng Tấn	701.292.678	420.775.606	280.517.072
Hệ thống phòng cháy chữa cháy – kho xưởng cụm 01	1.225.826.991	510.642.949	715.184.042
Giá trị xây lắp kho xưởng cụm 01	12.598.241.052	2.607.346.739	9.990.894.313
Hệ thống phòng cháy chữa cháy – kho xưởng cụm 02	1.308.337.906	479.418.000	828.919.906
Giá trị xây lắp kho xưởng cụm 02	12.619.106.953	2.298.388.633	10.320.718.320
Hệ thống làm mát không khí – kho xưởng cụm 2	88.800.000	39.466.669	49.333.331
Giá trị xây lắp kho xưởng cụm 03	13.361.914.071	2.098.691.084	11.263.222.987
Hệ thống phòng cháy chữa cháy – kho xưởng cụm 03	1.386.713.979	365.938.409	1.020.775.570
Giá trị xây lắp kho xưởng cụm 04	16.376.091.090	2.163.450.466	14.212.640.624
Hệ thống phòng cháy chữa cháy – kho xưởng cụm 04	1.499.163.158	333.147.371	1.166.015.787

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Hệ thống làm mát không khí – kho xưởng cụm 1-2	177.600.000	78.933.331	98.666.669
Giá trị xây lắp kho xưởng cụm 1-6	27.244.605.834	1.766.369.554	25.478.236.280
Hệ thống phòng cháy chữa cháy kho xưởng cụm 1-6	1.895.728.729	210.636.526	1.685.092.203
Giá trị xây lắp kho xưởng cụm 1-5	22.762.024.135	1.096.362.432	21.665.661.703
Sàn lửng bên trong kho xưởng cụm 1-5	7.588.466.224	732.718.422	6.855.747.802
Hệ thống phòng cháy chữa cháy kho xưởng cụm 1-5	1.876.623.905	156.385.326	1.720.238.579
Nhà văn phòng kho 1-5 Khu Công nghiệp Tân Bình mở rộng	1.632.950.930	81.647.547	1.551.303.383
Cộng	312.897.401.842	125.186.453.592	187.710.948.250
Tại Văn phòng Công ty			
Nhà văn phòng 80 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình	789.720.698	682.746.365	106.974.333
Nhà văn phòng 103 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình	425.543.401	305.957.033	119.586.368
Chi phí sửa chữa nâng cấp nhà 103 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình	202.808.182	139.430.626	63.377.556
Cửa hàng 01A, quốc lộ 22, xã Bà Điểm, huyện Hóc Môn	354.426.778	354.426.778	-
Nhà văn phòng 161/2, quốc lộ 22, xã Trung Mỹ Tây, huyện Hóc Môn	313.171.894	313.171.894	-
Biệt thự Vũng Tàu 64 - 66 Trần Phú, phường 5, TP.Vũng Tàu	4.597.122.600	2.873.201.625	1.723.920.975
Chi phí xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản - Khu biệt thự Vũng Tàu	471.613.000	172.924.764	298.688.236
Nhà số 79 Lý Thường Kiệt, phường 7, quận Tân Bình	572.728.446	464.707.872	108.020.574
Nhà số 81 - 83 Lý Thường Kiệt, phường 7, quận Tân Bình	338.017.542	293.258.553	44.758.989
Nhà số 97 Lý Thường Kiệt, phường 7, quận Tân Bình	238.938.793	202.483.100	36.455.693
Quyền sử dụng đất biệt thự Vũng Tàu 64 - 66 Trần Phú, phường 5, TP.Vũng Tàu	16.265.500.000	2.033.187.502	14.232.312.498
Cộng	24.569.591.334	7.835.496.112	16.734.095.222
Tổng cộng	337.466.993.176	133.021.949.704	204.445.043.472

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Một số bất động sản đầu tư có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 28.764.872.909 VND và 23.482.970.114 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm trang 55.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>4.880.958.941</i>	<i>18.816.762.550</i>
Công ty cổ phần xây dựng - cơ khí Tân Bình Tanimex	3.672.537.374	17.267.730.891
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát	1.009.301.122	794.416.887
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Giá Trị	190.348.545	754.614.772
Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ Tân Bình Tanimex	8.771.900	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>406.679.124</i>	<i>5.838.723.439</i>
Innovation and Technology Company	-	2.926.300.000
Các nhà cung cấp khác	406.679.124	2.912.423.439
Cộng	<u>5.287.638.065</u>	<u>24.655.485.989</u>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>172.570.868</i>	<i>-</i>
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát	172.570.868	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>7.710.186</i>	<i>29.684.336</i>
Các khách hàng khác	7.710.186	29.684.336
Cộng	<u>180.281.054</u>	<u>29.684.336</u>

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	83.999.204	10.504.910.057	(8.278.309.736)	2.310.599.525
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.026.067.377	10.329.972.285	(13.270.732.588)	3.085.307.074
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	(21.548.015)	742.495.449	(383.307.407)	337.640.027
Thuế thu nhập cá nhân	58.798.768	1.121.547.768	(1.121.492.615)	58.853.921
Tiền thuê đất	-	920.576.402	(26.488.538)	894.087.864
Các loại thuế khác	-	55.846.933	(55.846.933)	-
Cộng	<u>6.147.317.334</u>	<u>23.675.348.894</u>	<u>(23.136.177.817)</u>	<u>6.686.488.411</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- | | |
|--|-----------------|
| - Phí tiện ích công cộng và tiền sử dụng đất | Không chịu thuế |
| - Phí duy tu, thuê mặt bằng, kho xưởng, | 10% |

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22% áp dụng từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và thuế suất 20% áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 31 tháng 3 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	52.596.934.948	29.559.916.003
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.102.919.333	667.088.415
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	53.699.854.281	30.227.004.418
Thu nhập được miễn thuế	(5.217.629.000)	(2.473.220.000)
Tổng thu nhập tính thuế	48.482.225.281	27.753.784.418
- Thu nhập chịu thuế áp dụng thuế suất 22%	31.676.361.454	27.753.784.418
- Thu nhập chịu thuế áp dụng thuế suất 20%	16.805.863.827	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	10.329.972.285	6.105.832.572

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Lương hiệu quả kinh doanh phải trả người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn/dài hạn

17a. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	6.205.000	-
Cộng	6.205.000	-

17b. Chi phí phải trả dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí duy tu bảo dưỡng	25.929.566.438	25.929.566.438
Trích trước chi phí hạ tầng	55.964.829.780	55.964.829.780
Cộng	81.894.396.218	81.894.396.218

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn

18a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê mặt bằng	17.600.000	-
Tiền nền đất	-	1.550.145.273
Tiền chung cư	87.388.486.838	65.060.039.117
Cộng	87.406.086.838	66.610.184.390

18b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	120.003.658.438	114.836.676.441
Tiền chung cư	126.468.766.351	76.718.524.529
Tiền thuê kho xưởng	1.652.811.901	-
Cộng	248.125.236.690	191.555.200.970

19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và kinh phí công đoàn	39.143.920	255.596.675
Cổ tức phải trả	904.932.300	714.006.300
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16.776.028.635	27.829.749.427
Tiền đền bù tái định cư	49.315.944.108	47.594.605.716
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.977.287.424	4.847.094.963
Cộng	71.013.336.387	81.241.053.081

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược	27.015.564.658	21.361.505.042
Các khoản phải trả dài hạn khác	229.048.122	229.048.122
Cộng	27.244.612.780	21.590.553.164

19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Vay dài hạn đến hạn trả.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	25.590.330.300	43.930.001.100
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	15.429.407.337	-
Số tiền vay đã trả	(17.400.791.128)	(29.006.101.100)
Số cuối kỳ	23.618.946.509	14.923.900.000

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	82.569.774.654	112.567.410.597
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình ⁽ⁱ⁾	15.380.523.601	46.357.179.335
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 12 ⁽ⁱⁱ⁾	2.029.600.000	3.044.400.000
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	65.159.651.053	63.165.831.262
Cộng	82.569.774.654	112.567.410.597

- (i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình để xây dựng hạ tầng tại Khu công nghiệp Tân Bình và mua máy móc thiết bị. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Công trình xây dựng trên đất (nhà xưởng, văn phòng và công trình phụ trợ) tại cụm 1, đường M14, Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép xây dựng số 36/GPXD, 37/GPXD, 38/GPXD, 39/GPXD do Ban quản lý các Khu chế xuất, Khu công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 17 tháng 6 năm 2013.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 12 để xây dựng nhà máy xử lý nước thải giai đoạn 2 tại Khu công nghiệp Tân Bình. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị công trình xây dựng và máy móc thiết bị thuộc dự án “Nhà máy xử lý nước thải – giai đoạn 02”.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để xây dựng chung cư Sơn Kỳ 1. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị Quyền sử dụng đất 6.617,7 m² thửa 12,26,28,126 tại Phường Sơn Kỳ và tài sản hình thành trong tương lai.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	23.618.946.509	25.590.330.300
Trên 01 năm đến 05 năm	82.569.774.654	110.472.473.623
Trên 05 năm	-	2.094.936.974
Cộng	106.188.721.163	138.157.740.897

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	112.567.410.597	46.359.018.352
Số tiền vay phát sinh	23.284.649.792	64.681.749.510
Số tiền vay đã trả	(37.852.878.398)	(26.352.284.991)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(15.429.407.337)	-
Số cuối kỳ	82.569.774.654	84.688.482.871

20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	3.778.534.376	6.058.653.830	(1.493.000.000)	8.344.188.206
Quỹ phúc lợi	15.164.842	4.720.362.458	(3.234.427.000)	1.501.100.300
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	(88.700.389)	900.000.000	(158.000.000)	653.299.611
Cộng	3.704.998.829	11.679.016.288	(4.885.427.000)	10.498.588.117

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ đông Nhà nước	46.220.020.000	46.220.020.000
Các cổ đông khác	193.779.980.000	193.779.980.000
Cộng	240.000.000.000	240.000.000.000

22c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 15 tháng 01 năm 2016 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 48.000.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 6.743.374.940
• Trích quỹ khen thưởng	: 6.058.653.830
• Trích quỹ phúc lợi	: 4.720.362.458
• Trích thu lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát	: 900.000.000

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	29.088,27	43.623,57
Euro (EUR)	15.249,00	15.249,00
Yên Nhật (¥)	75.436,00	75.436,00

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	-	466.409.728
Doanh thu cung cấp dịch vụ ⁽ⁱ⁾	60.836.983.522	53.139.624.186
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	22.725.195.397	27.526.539.395
Cộng	83.562.178.919	81.132.573.309

(i) Thu nhập và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê bất động sản đầu tư	56.863.268.047	44.840.196.573
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	(14.744.889.456)	(10.948.729.538)
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-
Thu nhập bất động sản đầu tư cho thuê	42.118.378.591	33.891.467.035

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	-	565.949.090
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	18.225.969.677	13.807.550.725
Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư	131.065.436	-
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	879.301.709	24.351.688.995
Cộng	19.236.336.822	38.725.188.810

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.322.213.349	4.865.263.383
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	31.407.751	48.004.332
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.217.629.000	2.473.220.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	21.696.929
Lãi bán hàng trả chậm	1.839.684.128	2.442.934.555
Lãi chuyển nhượng vốn góp	800.000.000	665.032.232
Doanh thu tài chính khác	5.146	-
Cộng	14.210.939.374	10.516.151.431

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.915.156.091	1.663.410.500
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	7.383.483	120.527.662
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	133.160.329	(1.605.278.226)
Chi phí tài chính khác	-	31.382.500
Cộng	2.055.699.903	210.042.436

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.368.133.687	1.945.612.201
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	148.135.049	187.812.163
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.315.574.286	1.249.677.441
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.130.164.990	4.880.962.347
Chi phí bằng tiền khác	6.827.641.510	6.402.634.269
Cộng	16.789.649.522	14.666.698.421

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	5.627.196.243	6.232.202.572
Chi phí đồ dùng văn phòng	210.336.000	64.568.525
Chi phí khấu hao tài sản cố định	580.602.946	507.966.927
Thuế, phí và lệ phí	36.230.487	280.090.158
Chi phí dịch vụ mua ngoài	147.631.249	773.737.655
Chi phí bằng tiền khác	1.242.535.923	1.618.265.830
Cộng	7.844.532.848	9.476.831.667

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	33.642.045	88.181.818
Hoàn nhập tiền thuê đất	-	895.422.660
Thu nhập từ thu hồi khoản bồi thường	665.118.075	-
Thu nhập khác	51.313.319	7.801.480
Cộng	750.073.439	991.405.958

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	42.266.962.663	23.454.083.431
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.072.035.520)	(4.062.070.178)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	37.194.927.143	19.392.013.253
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	24.000.000	24.000.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.550	808

8b. Thông tin khác

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng quy định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 986 VND xuống còn 808 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 Công ty không lập Báo cáo tài chính hợp nhất nên lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	358.471.049	252.380.688
Chi phí nhân công	8.063.878.294	8.249.620.353
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.896.177.232	1.757.644.368
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.315.032.396	5.670.934.925
Chi phí khác	8.117.250.920	8.314.826.285
Cộng	24.750.809.891	24.245.406.619

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	92.455.932.663	72.000.608.239
Trên 01 năm đến 05 năm	232.992.920.700	161.748.399.281
Trên 05 năm	56.680.732.488	36.360.059.257
Cộng	382.129.585.851	270.109.066.777

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong kỳ là 55.827.866.800 VND (cùng kỳ năm trước là 44.331.722.033 VND).

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.242.350.000	2.399.275.000
Các khoản phúc lợi khác	132.000.000	192.000.000
Cộng	2.374.350.000	2.591.275.000

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty cổ phần du lịch Tân Thắng (*)	Công ty con
Công ty cổ phần sản xuất dịch vụ Tân Bình Tanimex (Taniservice)	Công ty liên kết
Công ty cổ phần kính Tân Bình (Taniglass)	Công ty liên kết
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình Tanimex (Tanicons)	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Minh Phát	Công ty liên kết
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Giá trị	Công ty liên kết
Công ty cổ phần giấy G.P	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Kim Cương	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ giáo dục Trí Đức	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Việt Phát	Công ty liên kết

(*) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2016, Công ty cổ phần du lịch Tân Thắng không còn là Công ty con của Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh V.3, V.5, V.13 và V.14.

3. *Thông tin về bộ phận*

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

3a. *Thông tin về lĩnh vực kinh doanh*

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: bán hàng hóa.
- Lĩnh vực 02: cung cấp dịch vụ (cho thuê đất và kho xưởng).
- Lĩnh vực 03: kinh doanh bất động sản (bán nền đất, bán chung cư).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực bán hàng hóa	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	-	60.836.983.522	22.725.195.397	83.562.178.919
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	60.836.983.522	22.725.195.397	83.562.178.919
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	42.611.013.845	21.714.828.252	64.325.842.097
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(24.634.182.370)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				39.691.659.727
Doanh thu hoạt động tài chính				14.210.939.374
Chi phí tài chính				(2.055.699.903)
Thu nhập khác				750.073.439
Chi phí khác				(37.689)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(10.329.972.285)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				42.266.962.663
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	9.902.344.597	3.698.945.984	13.601.290.581
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	13.991.145.036	5.226.286.485	19.217.431.521
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	466.409.728	53.139.624.186	27.526.539.395	81.132.573.309
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	466.409.728	53.139.624.186	27.526.539.395	81.132.573.309

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực bán hàng hóa	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(99.539.362)	38.816.967.935	3.689.955.926	42.407.384.499
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(24.143.530.088)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				18.263.854.411
Doanh thu hoạt động tài chính				10.516.151.431
Chi phí tài chính				(210.042.436)
Thu nhập khác				991.405.958
Chi phí khác				(1.453.361)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(6.105.832.572)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				23.454.083.431

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	28.539.910.874	14.655.159.571	43.195.070.445
---	---	-----------------------	-----------------------	-----------------------

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	10.568.248.190	5.426.764.096	15.995.012.286
---	---	-----------------------	----------------------	-----------------------

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	132.796.116	68.190.412	200.986.528
---	---	--------------------	-------------------	--------------------

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực bán hàng hóa	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	204.445.043.472	204.445.043.472
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	464.337.424.704	173.449.735.599	637.787.160.303
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	268.954.496.208	100.465.919.337	369.420.415.545
Tổng tài sản				1.211.652.619.320

Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	464.373.748.197	173.463.303.965	637.837.052.162
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				10.498.588.117
Tổng nợ phải trả				648.335.640.279

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực bán hang hóa	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Cộng
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	215.870.648.944	215.870.648.944
Tài sản phân bổ cho bộ phận	1.755.933.227	410.058.019.940	272.200.062.872	684.014.016.039
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				279.858.663.289
Tổng tài sản				1.179.743.328.272
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	25.590.330.300	-	-	25.590.330.300
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	1.523.579.987	355.797.238.193	236.181.286.297	593.502.104.477
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				3.704.998.829
Tổng nợ phải trả				622.797.433.606

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Số liệu so sánh

4a. Áp dụng Chế độ kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

4b. Ảnh hưởng của việc áp dụng Chế độ kế toán mới

Ảnh hưởng của việc áp dụng Chế độ kế toán mới và phân loại lại một số chỉ tiêu đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ					
Các khoản tương đương tiền	112	108.277.902.255	(89.627.902.255)	18.650.000.000	
Chứng khoán kinh doanh	121		75.501	75.501	
Đầu tư ngắn hạn (Báo cáo theo Quyết định 15)	121	182.244.003.285	(182.244.003.285)	-	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	271.871.905.540	271.871.905.540	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	12.335.538.558	2.005.563.331	14.341.101.889	
Phải thu ngắn hạn khác	136	14.974.717.696	101.225.421	15.075.943.117	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(113.370.056)	(557.733.447)	(671.103.503)	
Tài sản ngắn hạn khác	155	101.225.421	(101.225.421)	-	
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	45.715.828.302	(2.005.563.331)	43.710.264.971	

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	(2.673.335.578)	557.733.447	(2.115.602.131)	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	31.651.417.115	(75.501)	31.651.341.614	
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	81.894.396.218	(81.894.396.218)	-	
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	66.610.184.390	66.610.184.390	
Phải trả ngắn hạn khác	319	53.815.351.776	27.425.701.305	81.241.053.081	
Chi phí phải trả dài hạn	333		81.894.396.218	81.894.396.218	
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	258.165.385.360	(66.610.184.390)	191.555.200.970	
Phải trả dài hạn khác	337	49.016.254.469	(27.425.701.305)	21.590.553.164	
Quỹ đầu tư phát triển	418	102.500.106.163	28.584.270.953	131.084.377.116	
Quỹ dự phòng tài chính		28.584.270.953	(28.584.270.953)	-	

5. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

5a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ quy chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	105.403.514.435	-	-	-	105.403.514.435
Chứng khoán kinh doanh	15.189	-	-	60.312	75.501
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	232.965.261.870	-	-	-	232.965.261.870
Phải thu khách hàng	23.370.301.173	-	-	2.998.574.423	26.368.875.596
Các khoản phải thu khác	3.773.295.473	-	-	200.000.000	3.973.295.473
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	20.351.091.614	-	-	-	20.351.091.614
Cộng	385.863.479.755	-	-	3.198.634.734	389.062.114.489
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.510.609.599	-	-	-	79.510.609.599
Chứng khoán kinh doanh	75.501	-	-	-	75.501
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	271.871.905.540	-	-	-	271.871.905.540
Phải thu khách hàng	54.985.243.900	-	-	3.066.122.960	58.051.366.860
Các khoản phải thu khác	11.914.898.539	-	-	200.000.000	12.114.898.539
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	25.891.341.614	-	-	5.760.000.000	31.651.341.614
Cộng	444.174.074.693	-	-	9.026.122.960	453.200.197.653

5b. *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả người bán	5.287.638.065	-	-	5.287.638.065
Vay và nợ	23.618.946.509	82.569.774.654	-	106.188.721.163
Các khoản phải trả khác	21.664.453.359	109.139.008.998	-	130.803.462.357
Cộng	50.571.037.933	191.708.783.652	-	242.279.821.585
Số đầu năm				
Phải trả người bán	24.655.485.989	-	-	24.655.485.989
Vay và nợ	25.590.330.300	110.472.473.623	2.094.936.974	138.157.740.897
Các khoản phải trả khác	33.390.850.690	103.484.949.382	-	136.875.800.072
Cộng	83.636.666.979	213.957.423.005	2.094.936.974	299.689.026.958

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu hàng hóa phục vụ cho hoạt động kinh doanh của đơn vị với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD, EUR và JPY do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	USD	EUR	JPY	USD	EUR	JPY
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.088,27	15.249,00	75.436,00	43.624,00	15.249,00	75.436,00
Phải trả người bán	-	-	-	(130.000,00)	-	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	29.088,27	15.249,00	75.436,00	(86.376,00)	15.249,00	75.436,00

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản tương đương tiền	31.000.000.000	18.650.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	232.965.261.870	271.871.905.540
Vay và nợ	(106.188.721.163)	(138.157.740.897)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	157.776.540.707	152.364.164.643

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2%% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 3.155.530.814 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 2.244.336.057 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

5d. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp số dư tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 12 để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng này. Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 là 7.000.000.000 VND (số đầu năm là 6.862.393.212 VND).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 3 năm 2016 và tại ngày 30 tháng 9 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	105.403.514.435	-	79.510.609.599	-
Chứng khoán kinh doanh	75.501	(29.412)	75.501	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	232.965.261.870	-	271.871.905.540	-
Phải thu khách hàng	26.368.875.596	(2.554.157.097)	58.051.366.860	(2.586.705.634)
Các khoản phải thu khác	3.973.295.473	(200.000.000)	12.114.898.539	(200.000.000)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	20.351.091.614	-	31.651.341.614	(121.595.815)
Cộng	389.062.114.489	(2.754.186.509)	453.200.197.653	(2.908.301.449)

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán	5.287.638.065	24.655.485.989
Vay và nợ	106.188.721.163	138.157.740.897
Các khoản phải trả khác	130.803.462.357	136.875.800.072
Cộng	242.279.821.585	299.689.026.958

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

7. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2016

 Nguyễn Thị Ngọc Thơm Người lập biểu	 Hà Thị Thu Thảo Kế toán trưởng	 Trần Quang Trường Tổng Giám đốc
--	---	---



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	33.610.842.807	378.577.353	17.040.632.732	944.352.383	2.833.488.006	101.358.114.809	156.166.008.090
Tăng trong kỳ		59.600.000	6.132.665.000	-	104.722.080	1.459.038.656	7.756.025.736
Mua sắm mới	-	59.600.000	6.132.665.000	-	-	-	6.192.265.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	104.722.080	1.459.038.656	1.563.760.736
Giảm trong kỳ	-	-	(448.427.207)	-	-	(470.017.329)	(918.444.536)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(448.427.207)	-	-	(470.017.329)	(918.444.536)
Chuyển sang hàng hóa bất động sản	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	33.610.842.807	438.177.353	22.724.870.525	944.352.383	2.938.210.086	102.347.136.136	163.003.589.290
Trong đó:							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	13.105.887.283	46.821.045	2.825.398.252	944.352.383	2.790.942.551	94.805.443.117	114.518.844.631
Giá trị khấu hao							
Số đầu năm	19.822.460.403	150.539.148	7.466.197.879	930.298.378	2.821.332.167	98.464.702.962	129.655.530.937
Khấu hao trong kỳ	805.716.558	37.763.526	1.018.478.295	14.054.005	7.316.650	910.582.022	2.793.911.056
Giảm trong kỳ	-	-	(448.427.207)	-	-	(470.017.329)	(918.444.536)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(448.427.207)	-	-	(470.017.329)	(918.444.536)
Chuyển sang hàng hóa bất động sản	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	20.628.176.961	188.302.674	8.036.248.967	944.352.383	2.828.648.817	98.905.267.655	131.530.997.457
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	13.788.382.404	228.038.205	9.574.434.853	14.054.005	12.155.839	2.893.411.847	26.510.477.153
Số cuối kỳ	12.982.665.846	249.874.679	14.688.621.558	-	109.561.269	3.441.868.481	31.472.591.833
Trong đó:							
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 17.004.160.722 VND và 12.120.924.831 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 12.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2016



Nguyễn Thị Ngọc Thơm
Người lập biểu



Hà Thị Thu Thảo
Kế toán trưởng



Trần Quang Trường
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

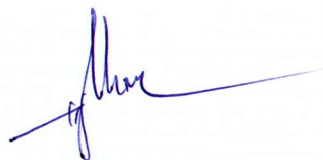
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào BDS đầu tư trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Tại Ban quản lý Khu công nghiệp Tân Bình	3.673.861.034	5.177.952.419	(1.563.760.736)	(3.478.071.012)	(491.183.030)	3.343.917.675
- Công trình Khu công nghiệp mở rộng	896.676.563	1.674.092.498	(1.563.760.736)	-	(491.183.030)	515.825.295
- Công trình kho xưởng	78.588.182	3.503.859.921	-	(3.478.071.012)	-	104.377.091
- Công trình nhà ở cho người lao động	2.698.596.289	-	-	-	-	2.698.596.289
Tại Ban quản lý hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	25.119.000	-	-	-	-	25.119.000
Sửa chữa lớn TSCĐ	30.000.000	-	-	-	-	30.000.000
Cộng	3.728.980.034	5.177.952.419	(1.563.760.736)	(3.478.071.012)	(491.183.030)	3.373.917.675

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2016



Nguyễn Thị Ngọc Thơm
Người lập biểu



Hà Thị Thu Thảo
Kế toán trưởng



Trần Quang Trường
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 325 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	240.000.000.000	92.948.707.864	124.672.438.832	89.513.415.124	547.134.561.820
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	67.433.749.396	67.433.749.396
Trích lập các quỹ	-	-	6.411.938.284	(16.119.382.834)	(9.707.444.550)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(24.131.834.000)	(24.131.834.000)
Tạm ứng cổ tức trong kỳ trước	-	-	-	(23.783.138.000)	(23.783.138.000)
Số dư cuối kỳ trước	240.000.000.000	92.948.707.864	131.084.377.116	92.912.809.686	556.945.894.666
Số dư đầu năm nay	240.000.000.000	92.948.707.864	131.084.377.116	92.912.809.686	556.945.894.666
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	42.266.962.663	42.266.962.663
Trích lập các quỹ	-	-	6.743.374.940	(18.422.391.228)	(11.679.016.288)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(24.216.862.000)	(24.216.862.000)
Số dư cuối kỳ này	240.000.000.000	92.948.707.864	137.827.752.056	92.540.519.121	563.316.979.041

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2016



Nguyễn Thị Ngọc Thơm
Người lập biểu



Hà Thị Thu Thảo
Kế toán trưởng



Trần Quang Trường
Tổng Giám đốc

